



# Kích thước khoét đầy đủ, Dải nhiệt màu toàn diện, Mức quang thông đầy đủ, Lắp đặt âm trần

## Đèn Downlight SmartBright Pro thế hệ 2

Đèn âm trần SmartBright Pro mang lại hiệu suất chiếu sáng đáng tin cậy với cách lắp đặt âm trần, phù hợp với nhiều ứng dụng đa dạng. Kích thước khoét đầy đủ từ D75 đến D200, dải nhiệt độ màu (CCT) đầy đủ bao gồm 3000K, 4000K và 6500K, mức quang thông từ 400lm đến 2.000 lm, mang đến trải êm dịu cho mắt với ánh sáng hạn chế nhấp nháy cùng thiết kế tinh tế sẽ thu hút bạn hơn.

### Lợi ích

- Lắp đặt âm trần
- Mẫu mã và kiểu dáng trang nhã
- Trải nghiệm thoải mái cho mắt với ánh sáng nhấp nháy thấp
- Sản phẩm tuân thủ CB / EMC với cam kết chất lượng của thương hiệu Philips

## Đèn Downlight SmartBright Pro thế hệ 2

### Tính năng

- Lỗ khoét: D75, D100, D125, D150, D175, D200
- 4 CCT: 3000K, 4000K và 6500K
- Điện áp đầu vào là 220-240V
- PF0.9
- Hiệu suất: lên tới 110lm/W
- CRI80
- IP44 (mặt trước)/IP20 (mặt sau)
- tuổi thọ: 50.000 giờ @L70&Ta25°C
- Nhiệt độ hoạt động từ: -20°C đến +40°C

### Ứng dụng

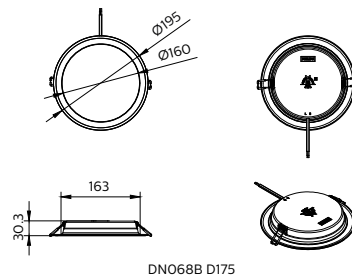
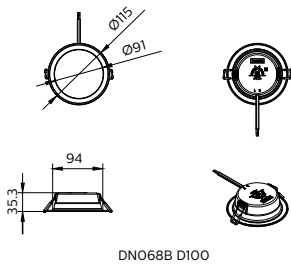
- Khu dân cư
- Dịch vụ nhà hàng khách sạn
- Cửa hàng bán lẻ
- Trung tâm mua sắm
- Khách sạn

### Phiên bản



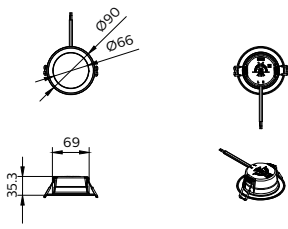
Smartbright Pro Downlight gen2

### Bản vẽ kích thước

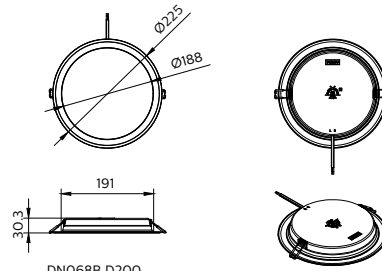


# Đèn Downlight SmartBright Pro thế hệ 2

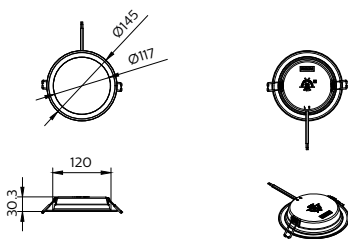
## Bản vẽ kích thước



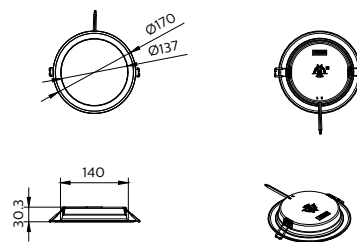
DN068B D75



DN068B D200



DN068B D125



DN068B D150

## Đèn Downlight SmartBright Pro thế hệ 2

### Thông tin chung

Bao gồm bộ điều khiển	Có
Bộ điều khiển	EB
Số lượng bộ điều khiển	1 thiết bị

### Thông tin kỹ thuật về đèn

Góc chiếu của nguồn sáng	110 °
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80
Số lượng nguồn sáng	1
Loại chóa quang học	Góc chiếu 110°

### Vận hành và điện

Cấp bảo vệ IEC	Cấp an toàn II
Điện áp đầu vào	220 đến 240 V
Tần số lưới điện	50 or 60 Hz
Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên	Không

### Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)	-
Độ mờ tối đa	Không áp dụng

### Cơ khí và vỏ đèn

Kiểu chụp quang học	Thấu kính micro Polycarbonate
Màu sắc vỏ thiết bị	Trắng
Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	IK03
Mã bảo vệ chống xâm nhập	IP20 (IP44 mặt trước)

### Phê duyệt và ứng dụng

Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 đến +40°C
Dấu CE	Không
Dấu ENEC	-
Ký hiệu tính dễ cháy	Để lắp trên các bề mặt thường bắt cháy
Thử nghiệm sợi dây phát sáng	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây

### Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

Dung sai quang thông	+/-10%
----------------------	--------

### Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Quang thông
911401861587	DN068B G2 LED6/830 PSU D100	3000 K	105 lm/W	570 lm
911401861687	DN068B G2 LED6/840 PSU D100	4000 K	110 lm/W	600 lm
911401861787	DN068B G2 LED6/865 PSU D100	6500 K	110 lm/W	600 lm
911401861887	DN068B G2 LED9/830 PSU D100	3000 K	105 lm/W	855 lm
911401861987	DN068B G2 LED9/840 PSU D100	4000 K	110 lm/W	900 lm
911401862087	DN068B G2 LED9/865 PSU D100	6500 K	110 lm/W	900 lm
911401861287	DN068B G2 LED4/830 PSU D75	3000 K	100 lm/W	380 lm
911401861387	DN068B G2 LED4/840 PSU D75	4000 K	105 lm/W	400 lm
911401861487	DN068B G2 LED4/865 PSU D75	6500 K	105 lm/W	400 lm
911401863687	DN068B G2 LED19/830 PSU D200	3000 K	105 lm/W	1.900 lm
911401863787	DN068B G2 LED20/840 PSU D200	4000 K	110 lm/W	2.000 lm
911401863887	DN068B G2 LED20/865 PSU D200	6500 K	110 lm/W	2.000 lm
911401862187	DN068B G2 LED9/830 PSU D125	3000 K	105 lm/W	855 lm
911401862287	DN068B G2 LED9/840 PSU D125	4000 K	110 lm/W	900 lm
911401862387	DN068B G2 LED9/865 PSU D125	6500 K	110 lm/W	900 lm
911401862487	DN068B G2 LED12/830 PSU D125	3000 K	105 lm/W	1.235 lm
911401862587	DN068B G2 LED13/840 PSU D125	4000 K	110 lm/W	1.300 lm
911401862687	DN068B G2 LED13/865 PSU D125	6500 K	110 lm/W	1.300 lm
911401862787	DN068B G2 LED11/830 PSU D150	3000 K	105 lm/W	1.140 lm
911401862887	DN068B G2 LED12/840 PSU D150	4000 K	110 lm/W	1.200 lm
911401862987	DN068B G2 LED12/865 PSU D150	6500 K	110 lm/W	1.200 lm
911401863087	DN068B G2 LED15/830 PSU D150	3000 K	105 lm/W	1.520 lm
911401863187	DN068B G2 LED16/840 PSU D150	4000 K	110 lm/W	1.600 lm
911401863287	DN068B G2 LED16/865 PSU D150	6500 K	110 lm/W	1.600 lm
911401863387	DN068B G2 LED14/830 PSU D175	3000 K	105 lm/W	1.524 lm
911401863487	DN068B G2 LED15/840 PSU D175	4000 K	110 lm/W	1.500 lm
911401863587	DN068B G2 LED15/865 PSU D175	6500 K	110 lm/W	1.500 lm

### Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Công suất	Order Code	Full Product Name	Công suất
911401861587	DN068B G2 LED6/830 PSU D100	5,5 W	911401861287	DN068B G2 LED4/830 PSU D75	3,8 W
911401861687	DN068B G2 LED6/840 PSU D100	5,5 W	911401861387	DN068B G2 LED4/840 PSU D75	3,8 W
911401861787	DN068B G2 LED6/865 PSU D100	5,5 W	911401861487	DN068B G2 LED4/865 PSU D75	3,8 W
911401861887	DN068B G2 LED9/830 PSU D100	8 W	911401863687	DN068B G2 LED19/830 PSU D200	18 W
911401861987	DN068B G2 LED9/840 PSU D100	8 W	911401863787	DN068B G2 LED20/840 PSU D200	18 W
911401862087	DN068B G2 LED9/865 PSU D100	8 W	911401863887	DN068B G2 LED20/865 PSU D200	18 W

## Đèn Downlight SmartBright Pro thế hệ 2

Order Code	Full Product Name	Công suất
911401862187	DN068B G2 LED9/830 PSU D125	8 W
911401862287	DN068B G2 LED9/840 PSU D125	8 W
911401862387	DN068B G2 LED9/865 PSU D125	8 W
911401862487	DN068B G2 LED12/830 PSU D125	12 W
911401862587	DN068B G2 LED13/840 PSU D125	12 W
911401862687	DN068B G2 LED13/865 PSU D125	12 W
911401862787	DN068B G2 LED11/830 PSU D150	11 W
911401862887	DN068B G2 LED12/840 PSU D150	11 W

Order Code	Full Product Name	Công suất
911401862987	DN068B G2 LED12/865 PSU D150	11 W
911401863087	DN068B G2 LED15/830 PSU D150	15 W
911401863187	DN068B G2 LED16/840 PSU D150	15 W
911401863287	DN068B G2 LED16/865 PSU D150	15 W
911401863387	DN068B G2 LED14/830 PSU D175	14 W
911401863487	DN068B G2 LED15/840 PSU D175	14 W
911401863587	DN068B G2 LED15/865 PSU D175	14 W

### Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401861587	DN068B G2 LED6/830 PSU D100	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401861687	DN068B G2 LED6/840 PSU D100	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401861787	DN068B G2 LED6/865 PSU D100	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401861887	DN068B G2 LED9/830 PSU D100	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401861987	DN068B G2 LED9/840 PSU D100	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401862087	DN068B G2 LED9/865 PSU D100	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401861287	DN068B G2 LED4/830 PSU D75	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401861387	DN068B G2 LED4/840 PSU D75	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401861487	DN068B G2 LED4/865 PSU D75	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401863687	DN068B G2 LED19/830 PSU D200	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401863787	DN068B G2 LED20/840 PSU D200	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401863887	DN068B G2 LED20/865 PSU D200	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401862187	DN068B G2 LED9/830 PSU D125	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401862287	DN068B G2 LED9/840 PSU D125	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401862387	DN068B G2 LED9/865 PSU D125	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401862487	DN068B G2 LED12/830 PSU D125	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401862587	DN068B G2 LED13/840 PSU D125	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401862687	DN068B G2 LED13/865 PSU D125	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401862787	DN068B G2 LED11/830 PSU D150	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401862887	DN068B G2 LED12/840 PSU D150	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401862987	DN068B G2 LED12/865 PSU D150	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401863087	DN068B G2 LED15/830 PSU D150	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401863187	DN068B G2 LED16/840 PSU D150	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401863287	DN068B G2 LED16/865 PSU D150	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6
911401863387	DN068B G2 LED14/830 PSU D175	(0.44, 0.40) SDCM $\leq$ 6
911401863487	DN068B G2 LED15/840 PSU D175	(0.38, 0.38) SDCM $\leq$ 6
911401863587	DN068B G2 LED15/865 PSU D175	(0.31, 0.34) SDCM $\leq$ 6

